

# **TÓM TẮT CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á- THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ VIỆT NAM**

## **Bản dịch không chính thức**

**Sự tăng trưởng trở lại của các nước Đông Á đã và đang diễn ra với một tốc độ nhanh chóng đáng ngạc nhiên và cũng rất đáng hoan nghênh.** Một năm trước, toàn bộ khu vực Đông Á đã phải chứng kiến sự giảm sút mạnh mẽ của các mặt hàng xuất khẩu và sản xuất công nghiệp, tỷ lệ sa thải công nhân trên đà tăng cao và các nguồn vốn chảy ra ngoài làm giảm giá trị tài sản và tiền tệ. Tuy nhiên, các gói kích thích mạnh và kịp thời về tài chính và tiền tệ ở các nước Đông Á, mà dẫn đầu là Trung Quốc và Hàn Quốc, cùng với những biện pháp quyết đoán ở các nước phát triển nhằm ngăn chặn sự sụp đổ tài chính sau vụ sụp đổ của Lehman Brothers đã chặn đứng được đà suy giảm và lấy lại được sự tăng trưởng trở lại trong khu vực. Xu hướng mua lại cổ phần từ giữa năm 2009 cũng đã góp phần vào việc thúc đẩy tăng trưởng. Những yếu tố này đã cho phép chúng ta khôi phục dự đoán về mức tăng GDP thực ở khu vực đang phát triển của Đông Á có thể thay đổi 1,3 phần trăm so với mức dự đoán lần trước vào tháng Tư. Tóm lại, tăng trưởng GDP thực được đánh giá là giảm từ 8% năm 2008 xuống 6,7% năm 2009, tức là ở mức khiêm tốn hơn mức phát triển hậu khủng hoảng Châu Á 1997-98.

**Tăng trưởng ở Đông Á vẫn chịu ảnh hưởng mạnh của Trung Quốc.** Nếu đưa Trung Quốc ra khỏi phương trình phát triển thì các nước còn lại của khu vực không đạt được mức phục hồi mạnh mẽ như vậy. Tính cả năm 2009, tổng sản phẩm ở Căm pu chia, Ma-lai-xia và Thái Lan có xu hướng thu hẹp và chỉ tăng lên ở Mông cổ và một vài đảo ở Thái Bình Dương. Kể cả với sự tăng trưởng mạnh mẽ ở In-đô-nê-xia và Việt Nam mà không tính Trung Quốc, thì trong năm 2009, các nước đang phát triển ở Đông Á cũng chỉ đạt được tốc độ tăng trưởng chậm hơn Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi, chỉ nhỉnh hơn một chút khu vực Châu Phi Cận Sahara.

**Những con số tổng hợp không chỉ che phủ những khác biệt lớn về tốc độ phát triển giữa các nước mà chúng còn không miêu tả hết được những tác động của cuộc khủng hoảng lên xã hội và tình trạng nghèo.** Thiếu những dữ liệu thường thấy về mức thu nhập và chi tiêu của các hộ gia đình làm cho việc xác định mức độ đói nghèo trở nên khó khăn. Mô hình trước đây để tính tỷ lệ giữa đói nghèo và phát triển có thể không còn phù hợp trong bối cảnh suy thoái và phục hồi hiện nay, nhưng nếu dựa trên mô hình đó thì vào năm 2010 sẽ có thêm 14 triệu người dân trong khu vực rơi vào cảnh nghèo đói do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng. Giảm nhu cầu lao động trong giai đoạn suy thoái chủ yếu dẫn đến việc giảm giờ lao động và giảm lương tuần chứ không hoàn toàn dẫn đến tình trạng sa thải lao động. Ở một số nước nơi có xảy ra tình trạng giãn công, công nhân phải chuyển dịch sang các khu vực không đúng ngành nghề. Rốt cuộc, thu nhập từ lao động đã giảm mạnh trong năm 2009, và điều đó đã gây ra tác động xấu đến mức sống của người dân, song những ước đoán về đói nghèo lại không nắm bắt được những tác động xấu này.

**Sự tăng trưởng trở lại chưa biến chuyển thành sự phục hồi.** Điều này giải thích tại sao các chính phủ trong khu vực đang phải bận tâm về rủi ro của việc rút sớm các yếu tố kích thích, vì phải đối mặt với khoảng trống tăng trưởng và những lo ngại các nước phát triển đang có xu hướng rơi vào trạng thái cân bằng tăng trưởng chậm hơn.

Một số chính phủ trong khu vực có khả năng tài chính để duy trì gói kích thích tài chính cho đến khi sự phục hồi đi vào giai đoạn vững chắc và đầu tư tư nhân bắt đầu khởi sắc. Các nước khác với năng lực tài chính hạn chế hơn sẽ gặp khó khăn hơn. Nhìn chung, các chính phủ đều nhận ra rằng nếu chỉ có các gói kích thích về tài chính và tiền tệ thì không thể duy trì nhu cầu nội địa trong một thời gian dài, nhất là khi nếu các quan chức không đảm bảo với các nhà đầu tư rằng họ có những chiến lược để rút lui khả thi và nợ chính phủ nằm ở mức không thể làm nguy hại đến tính bền vững của nợ dài hạn. Ngoài ra, còn có những hạn chế đối với hiệu quả của những chính sách tài chính và tiền tệ nếu quá trình phục hồi ở các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ, vẫn còn ở mức yếu và trong một giai đoạn dài hơn chúng ta tưởng.

**Cuộc khủng hoảng đã khiến các nước trong khu vực phải xem xét lại các chiến lược phát triển của mình.** Đối với hầu hết các nước thì việc lựa chọn giữa phát triển dựa trên xuất khẩu hay phát triển dựa trên nhu cầu nội địa đều là sai lầm. Các nước cần phải chống lại việc bảo hộ, đồng thời vẫn phải mở cửa và ngày càng hội nhập vào nền kinh tế thế giới nhiều hơn chứ không phải ít đi để tiếp tục gặt hái những thành quả của tri thức, công nghệ và đổi mới của thế giới. Đồng thời, các chính phủ cũng đang nhận ra rằng họ có thể tạo ra tăng trưởng từ nhu cầu nội địa nếu họ giảm nhẹ hoặc từ bỏ các biện pháp kích thích có lợi cho việc nhanh chóng xây dựng các cơ sở sản xuất chỉ tập trung vào xuất khẩu hoặc đòi hỏi vốn đầu tư cao dựa trên tỷ giá hối đoái thấp và có xu hướng cản trở nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ trong nước. Một số chính phủ đang xem xét lại cách thức quản lý rủi ro nảy sinh từ những nguồn vốn không ổn định, đặc biệt là trong bối cảnh còn đang phải lo lắng về những bong bóng mới về giá trị tài sản.

**Triển vọng của khu vực về việc đẩy mạnh tăng trưởng trở lại này để nó biến thành sự phục hồi và sớm quay lại thời kỳ tăng trưởng nhanh đã phải đối mặt với nguy cơ bị đảo lộn.** Những nguy cơ bị lộn ngược dòng bao gồm cả việc các nước tiên tiến có khả năng tác động thêm vào các hoạt động kinh tế khi các biện pháp kích thích nền kinh tế và kích cầu tiêu dùng hết tác dụng. Điều này sẽ gây khó khăn cho nhiều nước Đông Á có nguồn tài chính eo hẹp không đủ để tiếp tục các chương trình kích thích tài chính mà không cần các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài. Nhưng các nước này sẽ nhận được sự trợ giúp từ Trung Quốc hiện đang có nguồn lực đủ mạnh để có thể duy trì khả năng tài chính như hiện nay trong vòng vài năm nữa nếu cần thiết. Tuy nhiên Trung Quốc sẽ gặp phải những giới hạn đối với khả năng tiếp tục tiến hành các biện pháp kích thích tiền tệ do tăng tín dụng lên 30% GDP vào năm 2009. Theo chiều hướng tích cực thì sự phục hồi mạnh mẽ hơn ở các nước phát triển sẽ tháo gỡ được sự kiềm tỏa đối với việc lấy lại cân bằng ở khu vực đang phát triển Đông Á và thúc đẩy mô hình tăng trưởng hướng về xuất khẩu giống như trước khủng hoảng. Tuy nhiên, chiều hướng tăng lên này cũng bao hàm trong nó những nguy cơ về nguồn vốn ồ ạt chảy vào gây ra những bong bóng về giá trị tài sản mới và làm phức tạp hóa những chính sách kinh tế vĩ mô. Việc quản lý cả hai kiểu rủi ro này sẽ là một thách thức đòi hỏi những chính sách để cân bằng lại mức tăng trưởng trong khi vẫn tăng cường hội nhập với các thị trường thế giới và cải cách các thể chế để khuyến khích đổi mới hơn nữa.

**Trong giai đoạn trung hạn, liệu các nước đang phát triển Đông Á có thể duy trì mức tăng trưởng nhanh ngay cả khi nếu các nước còn lại trên thế giới vẫn tăng trưởng chậm?** Điều này tùy thuộc vào việc liệu Đông Á có tiến hành hội nhập khu vực hơn nữa

thông qua việc khuyến khích buôn bán hàng hóa và mở rộng các chính sách tự do thương mại sang các khu vực dịch vụ hay không. Việc đẩy mạnh chuỗi giá trị thặng dư trong mạng lưới sản xuất toàn cầu sẽ tạo ra những xung lực mới cho tăng trưởng vì những lợi ích từ công nghệ và cải tiến sẽ nhân rộng ra khắp các quốc gia trong khu vực. Đối với Đông Á, khu vực dịch vụ đang nắm giữ tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Do đó, các biện pháp kích thích cạnh tranh trong khu vực dịch vụ, kết hợp với các chính sách giảm nhẹ những hạn chế đối với di cư và thương mại nội vùng, hỗ trợ giáo dục và cải thiện môi trường cho đầu tư tư nhân và sáng tạo sẽ cho phép các nước có thể phát huy hơn nữa những lợi ích của sự hội tụ và tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho sự trỗi dậy của các công ty sáng tạo toàn cầu.

## VIỆT NAM

**Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã làm chậm tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam.** Kể từ quý ba năm 2008, giá hàng hóa thế giới có xu hướng giảm, trong quý bốn năm 2008, các đơn hàng xuất khẩu đối với các sản phẩm dệt may và các sản phẩm công nghiệp khác đã sụt giảm và sự trì trệ trong sản xuất ngày càng hiện rõ. Trong quý một năm 2009, tác động của khủng hoảng đã trở nên rõ ràng khi GDP chỉ tăng 3,1% so với năm trước, và thấp hơn 4 phần trăm so với mức tăng trưởng bình quân của quý một của một vài năm trước. Tuy nhiên, nhờ có những nỗ lực của chính phủ nhằm hỗ trợ các hoạt động kinh tế, những dấu hiệu tích cực của sự phục hồi cũng đang xuất hiện. Chính phủ đã công bố gói kích thích bao gồm nhiều biện pháp khác nhau, từ việc trợ cấp lãi suất, hoãn thuế đến việc giải ngân thêm vốn. Kết quả là GDP đã tăng 4,5% vào quý hai và 5,8% vào quý ba, làm cho tốc độ tăng GDP thực sự đạt 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái tính từ tháng Một đến tháng Chín. Trong khi khu vực sản xuất vẫn còn phải đối mặt với những thách thức lớn do nhu cầu giảm sút thì ngành xây dựng lại đang dần đầu về tốc độ phục hồi, với giá trị thặng dư trong ngành ước đạt tới tỷ lệ tăng trưởng hai con số trong cả năm. Một yếu tố quan trọng khác góp phần làm nên quá trình phục hồi, đó là sức mua nội địa với mức tăng doanh thu bán lẻ thực tế lên 9,3% so với cùng kỳ từ tháng Một đến tháng Tám năm ngoái. Mặc dù Ngân hàng Thế giới dự đoán mức tăng trưởng cả năm 2009 của Việt Nam sẽ là 5,5%, hoặc thấp hơn 2 phần trăm so với trung bình các năm trước, chúng ta tin tưởng rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ tự tìm đường thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng một cách tốt đẹp.

**Cuộc suy thoái kinh tế thế giới đã có ảnh hưởng rõ rệt đến khu vực xuất nhập khẩu của Việt Nam** mà trong đó mối lo ngại chính là hoạt động xuất khẩu, vốn chiếm 70% GDP. Trong tám tháng đầu năm 2009, xuất khẩu tính theo đôla đã giảm 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ xuất khẩu đều giảm ở hầu khắp các mặt hàng và các thị trường truyền thống của Việt Nam. Mặc dù sự giảm sút này còn ít hơn ở các nước đang phát triển khác, nhưng nó cũng làm cho năm 2009 trở thành năm đầu tiên Việt Nam phải gánh chịu sự sụt giảm về xuất khẩu kể từ khi bắt đầu cải cách kinh tế. Về nhập khẩu, tám tháng đầu năm 2009 đã chứng kiến sự suy giảm còn mạnh mẽ hơn, thấp hơn 28,2% so với cùng kỳ năm trước. Sự xuống dốc tương đối của xuất khẩu và nhập khẩu lại giúp thu hẹp thâm hụt cán cân thương mại và thậm chí thâm hụt tài khoản vãng lai, trong đó thâm hụt tài khoản vãng lai được ước đoán ở mức 5 phần trăm của GDP năm 2009, giảm xuống từ 11,9% năm 2008. Mức thâm hụt thực tế có thể còn cao hơn thế nếu nền kinh tế tiếp tục đi mạnh đà phục hồi hiện nay. Mặc dù có thể quản lý được mức thâm hụt tài khoản vãng lai theo dự đoán nhưng dự trữ ngoại tệ lại sụt giảm từ mức 23 tỷ đôla vào cuối năm 2008 xuống còn khoảng 16,5 tỷ vào tháng Tám năm 2009. Phần lớn sự sụt giảm diễn ra vào giữa tháng Năm và tháng Bảy khi ngân hàng trung ương tác động vào thị trường hối đoái nhằm bình ổn tiền tệ.

**Sự thâm hụt tài chính có khả năng tăng lên đến 9,4% GDP trong năm 2009, phản ánh mức sụt giảm doanh thu và chi phí tiêu dùng tăng lên đáng kể.** Doanh thu thường có xu hướng suy giảm cùng với sự suy thoái của các hoạt động kinh tế, giá dầu giảm và các biện pháp giảm thuế khác nhau trong các gói kích thích. Mức chi tiêu đã tăng đáng kể do có các biện pháp kích thích tiêu dùng và cam kết của chính phủ nhằm đảm bảo mang lại an sinh xã hội. Trong khi Việt Nam có thể kêu gọi thêm các nguồn tài chính từ bên ngoài thì vẫn còn tồn tại một khoảng trống tài chính đáng kể và chính phủ cần phải xem xét lại gói

kích thích của mình để đảm bảo duy trì cân bằng tài chính ở mức có thể kiểm soát được. Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý rằng nguyên nhân kim hãm việc hỗ trợ năng lực tài chính của chính phủ bắt nguồn từ những nguồn tài chính ngắn hạn chứ không phải từ khả năng duy trì nợ trung hạn.

**Sau một giai đoạn thắt chặt trong năm 2008 để giải quyết tình trạng quá nóng, chính sách tiền tệ đã được nới lỏng đáng kể nhằm hỗ trợ nhu cầu nội địa.** Ngân hàng trung ương đã cắt giảm một nửa lãi suất với các khoản vay chính sách xuống còn 7% từ giữa năm 2008 đến tháng Hai năm 2009. Cắt giảm lãi suất đối với vay chính sách và hỗ trợ lãi suất đã thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của ngân hàng. Chỉ số định lượng về chất lượng danh mục đầu tư của ngân hàng (dựa trên thời gian thiếu nợ và nợ lũy tiến) đã cho thấy nợ xấu (NPLs) đang tăng. Do lãi suất cho vay không được phép cao hơn lãi suất đối với vay chính sách quá 50%, nên mức chênh lệch lãi suất của các ngân hàng thương mại bị thu hẹp đáng kể. Lãi suất thấp có thể gây khó khăn cho chính phủ trong việc phát hành trái phiếu và gây ra tâm lý lưỡng lự của các nhà đầu tư khi bán ngoại hối. Nhận ra các nguy cơ đang nổi lên từ chính sách nới lỏng tiền tệ, ngân hàng trung ương gần đây đã yêu cầu các ngân hàng thương mại lớn phải giữ tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 25% trong năm nay.

**Tỉ lệ nghèo đói ở Việt Nam tiếp tục giảm, mặc dù giá lương thực và nguyên liệu tăng cao trong suốt nửa đầu năm 2008 và tiếp đó là thời kỳ phát triển trì trệ từ cuối năm 2008 đến 2009.** Trong khi nghèo đói nhìn chung đã giảm, sự bất ổn của nền kinh tế trong hai năm qua đã cho thấy những điểm dễ bị tổn thương và những thách thức còn ở phía trước. Đánh giá đói nghèo có sự tham gia của người dân (PPA) tiến hành từ đầu năm 2008 ở các cộng đồng nông thôn ở Việt Nam đã cho thấy những tiến bộ đáng kể gần đây của Việt Nam trong quá trình phát triển nông thôn. Các đối tượng của PPA đã chỉ ra tăng trưởng bền vững đối với hạ tầng cơ sở ở nông thôn, cơ hội tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ, năng xuất nông nghiệp tăng cao ở nhiều vùng và nhiều cơ hội để đa dạng hóa các nguồn thu nhập ở nông thôn hơn. PPA và các nghiên cứu liên quan cũng chỉ ra một số tiến bộ còn chậm ở các vùng nghèo, tập trung nhiều dân tộc thiểu số. Ngoài ra những đánh giá nhanh về tác động xã hội của cuộc khủng hoảng tài chính thực hiện vào tháng Hai và tháng Tư năm 2009 đã chỉ ra những đối tượng dễ bị tổn thương trong những khu vực dân cư nhất định, trong đó phần đông là những người lao động di cư, người lao động không đúng chuyên môn và các doanh nghiệp hộ gia đình. Việc đầu tư nhiều hơn và hiệu quả hơn vào giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực tương lai của Việt Nam sẽ giúp giảm bớt số lượng những đối tượng dễ bị tổn thương do sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ và có nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế hơn. Tuy nhiên, hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam còn kém phát triển so với nhiều nước khác; đó là một khoảng cách cần phải giải quyết khi đất nước đang trên đà phát triển hơn nữa.